TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST

Ngày: 10/8/2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông K'Chiêu
2. Ông Nguyễn Văn An

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Quyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà:* Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-DS ngày 04/7/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L – sinh năm: 1960
Bà Nguyễn Thị Kim P – sinh năm: 1970

Cùng trú tại: Tổ dân phố A – thị trấn M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng. (*Ông L, bà P có mặt tại phiên tòa*)

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H - Sinh năm: 1962
Bà Võ Thị X - Sinh năm: 1966

Cùng trú tại: Thôn B – xã M – huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

(Ông H, bà X vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 01 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi Văn

L và bà Nguyễn Thị Kim P trình bày: Ngày 26/7/2016 ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P có cho vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X vay số tiền là 50.000.000đ. Hai bên có lập giấy tờ viết tay, trong đó thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng kể từ ngày 26/7/2016, lãi suất theo thỏa thuận miệng của hai bên, đến ngày trả nợ là 26/9/2016 ông L, bà P yêu cầu ông H, bà X trả nợ nhưng ông H, bà X không chịu trả. Nay ông L, bà P yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X có trách nhiệm trả cho ông L, bà P số tiền đã vay là 50 triệu đồng.

Ngoài ra ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Kèm theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: 01 giấy mượn tiền ngày 26/7/2016 (*bản chính*).

** Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X đã được Tòa án thông báo tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cho Tòa án đúng thời hạn quy định.*

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X trả 50 triệu đồng tiền gốc vay và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc trên.

Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X vắng mặt không có lý do

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

+ Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 02 Giấy mượn tiền ngày 26/7/2016 (Bản photo + bản chính); 01 Chứng minh nhân dân của ông Bùi Văn L (bản sao); 01 Chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Kim P (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu đứng tên ông Bùi Văn L (bản sao);

+ Tại liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai của bà Nguyễn Thị Kim P ngày 28/02/2018; 01 bản tự khai ngày 26/02/2018 của ông Bùi Văn L; 02 bản tự khai ngày 14/5/2018 của ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P; 01 biên bản xác minh ngày 01/3/2018.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

2. Việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được là giấy mượn tiền ngày 26/7/2016 bản chính, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy về quan hệ tranh chấp giữa ông L, bà P và ông H, bà X có xác lập vay tiền với số tiền là 50 triệu đồng có chữ ký xác nhận của ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X, thời hạn trả nợ sau 03 tháng. Tuy nhiên quá thời hạn trên thì ông H và bà X không trả được nợ; do vậy ông L, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H, bà X phải trả số tiền 50 triệu đồng còn thiếu là có cơ sở. Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến gì nội dung khởi kiện của nguyên đơn do vậy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 50 triệu đồng tiền gốc là có căn cứ và chấp nhận. Từ những xem xét đánh giá nêu trên, quan điểm của đại diện viện kiểm sát căn cứ vào Điều Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 429 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị HĐXX xem xét theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 26/7/2016 các đương sự lập giấy mượn tiền đối với số tiền vay là 50 triệu đồng. Do có tranh chấp về số tiền vay còn thiếu, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X có địa chỉ trú tại thôn B, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm đồng trả số tiền vay chưa trả là 50 triệu đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, xác định đây là "tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ là phù hợp quy định tại các điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và áp dụng pháp luật giải quyết:

- Giao dịch dân sự vay tài sản giữa vợ chồng ông L, bà P và ông H, bà X được xác lập ngày 26/7/2016 thời hạn trả nợ thỏa thuận là 03 tháng về chủ thể, hình thức và nội dung của hợp đồng đều tuân theo các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, đến ngày 24/01/2018 ông L và bà P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2005 thì tranh chấp xảy ra được áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết. Do ông H, bà X không thực hiện đúng như thỏa thuận của hai bên nên đến ngày 26/10/2016 quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, bà P bị xâm phạm, thời hiệu khởi kiện được xác định là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm phù hợp với quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 688 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định quy định tại Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp chứng cứ cho Toà án đúng thời hạn quy định, không đến Tòa theo đúng thời gian triệu tập. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho nguyên đơn ông Bùi Văn L, bà Nguyễn Thị Kim P và bị đơn ông Phạm Văn H, bà Võ Thị X nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 diều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X phải trả số tiền gốc đã vay là 50 triệu đồng Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay tiền ngày 26/7/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn về chủ thể kí kết hợp đồng, về mục đích, hình thức và nội dung của hợp đồng đều tuân theo các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại hợp đồng này thể hiện nội dung là vào ngày 26/7/2016 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là: 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là 03 tháng. Đến ngày 26/10/2016 là hạn trả nợ cuối cùng nhưng từ 26/10/2016 đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn bất cứ khoản tiền nào liên quan đến số tiền đã vay. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P về việc buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X phải trả số tiền gốc đã vay là: 50.000.000đ là có cơ sở và được chấp nhận. Về khoản tiền lãi vay: Do nguyên đơn ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X trả 50 triệu đồng tiền gốc vay và không yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc vay là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được trả lại số tiền 1.257.900đ đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007627 ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X có nghĩa vụ trả cho ông L, bà P số tiền là 50 triệu đồng. Do vậy bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X phải nộp 2.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 26, khoản 1 điều 35, 39, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 429 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P:

Buộc ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X có trách nhiệm liên đới trả cho ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P số tiền gốc vay còn thiếu là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Võ Thị X phải có trách nhiệm liên đới nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho nguyên đơn ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.257.900 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi bảy ngàn chín trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0007627 ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay; đối với đương

sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành ánh dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự''.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, THADS Đạ Huoai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hà Giang